

QUYẾT ĐỊNH

**Điều chỉnh, bổ sung chính sách về định mức hỗ trợ
phát triển sản xuất giai đoạn 2016 – 2020, Chương trình mục tiêu quốc gia
xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2016;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 1760/QĐ-TTG ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/ năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20/6/ 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2017 -2020;

Căn cứ Quyết định số 67/2016/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh Bình Định về việc Ban hành định mức hỗ trợ phát triển sản xuất giai đoạn 2016 – 2020, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Nghị quyết số 95/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Chính sách về định mức hỗ trợ phát triển sản xuất, giai đoạn 2016 - 2020 Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới ban hành kèm theo Nghị quyết số 40/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 4023/TTr-SNN ngày 27/10/2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung chính sách về định mức hỗ trợ phát triển sản xuất giai đoạn 2016 – 2020, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, với nội dung chính như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung danh sách xã thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được hỗ trợ phát triển sản xuất giai đoạn 2016 – 2020. *Chi tiết có Phụ lục 1 kèm theo.*

2. Bổ sung điểm b, khoản 2.1, điều 1: Hỗ trợ 100% chi phí mua các loại giống cây trồng dài ngày cải tạo vườn tạp (*tiêu, dừa, bưởi da xanh, dâu tằm, bơ*).

(Chi tiết có Phụ lục 2 kèm theo).

3. Điều chỉnh tại Điều 1 của Quyết định số 67/2016/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh, một số nội dung như sau:

- Tại khoản 2, điểm b **“Đối với các xã không thuộc chương trình 30a, 135”** điều chỉnh thành khoản 2.2 **“Đối với các xã không thuộc chương trình 30a, 135”**.

- Tại khoản 3 **“Đối với các xã có điều kiện đặc thù riêng ...”** điều chỉnh thành khoản 2.3 **“Đối với các xã có điều kiện đặc thù riêng ...”**.

- Tại khoản 4 **“Thời gian thực hiện”** điều chỉnh thành khoản 3 **“Thời gian thực hiện”**.

- Tại khoản 5 **“Nguồn vốn hỗ trợ”** điều chỉnh thành khoản 4 **“Nguồn vốn hỗ trợ”**.

Điều 2. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 67/2016/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVPNN;
- Lưu VT, K10, K19

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hồ Quốc Dũng

Phụ lục 1

DANH SÁCH XÃ ĐƯỢC HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Quyết định số 82/2017/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của UBND tỉnh)



TT	Đối tượng	Danh sách xã
1	Xã thuộc Chương trình 30a, 135 (31 xã)	<ul style="list-style-type: none"> - Huyện Văn Canh: Canh Vinh, Canh Thuận, Canh Hòa, Canh Hiến, Canh Hiệp, Canh Liên. - Huyện An Lão: An Hòa, An Tân, An Trung, An Quang, An Hưng, An Toàn, An Nghĩa, An Vinh, An Dũng. - Huyện Vĩnh Thạnh: Vĩnh Quang, Vĩnh Thuận, Vĩnh Hào, Vĩnh Hiệp, Vĩnh Thịnh, Vĩnh Hòa, Vĩnh Sơn, Vĩnh Kim. - Huyện Hoài Ân: Ân Nghĩa, Ân Sơn, Bok Tới, Đăk Mang, Ân Hữu, Ân Tường Đông, Ân Hào Tây. - Huyện Tây Sơn: Vĩnh An.
2	Các xã không thuộc Chương trình 30a, 135 (88 xã)	<ul style="list-style-type: none"> - Huyện Hoài Ân: Ân Mỹ, Ân Đức, Ân Tín, Ân Hào Đông, Ân Tường Tây, Ân Phong, Ân Thạnh. - Huyện Tây Sơn: Bình Thành, Tây Vinh, Tây Phú, Bình Tân, Tây Bình, Tây Giang, Bình Hòa, Tây Thuận, Bình Thuận, Bình Tường, Bình Nghi, Tây An, Tây Xuân. - Huyện Phù Mỹ: Mỹ Chánh Tây, Mỹ Tài, Mỹ Phong, Mỹ Quang, Mỹ Lợi, Mỹ Thọ, Mỹ Thành, Mỹ Cát, Mỹ Thắng, Mỹ An, Mỹ Đức, Mỹ Hiệp, Mỹ Lộc, Mỹ Trinh, Mỹ Hòa, Mỹ Châu. - Thị xã An Nhơn: Nhơn Hạnh, Nhơn Khánh, Nhơn Phong, Nhơn Thọ, Nhơn Mỹ, Nhơn Hậu, Nhơn Tân, Nhơn Lộc, Nhơn Phúc, Nhơn An. - Huyện Hoài Nhơn: Hoài Đức, Hoài Phú, Hoài Xuân, Hoài Thanh Tây, Hoài Sơn, Hoài Hào, Hoài Thanh, Tam Quan Nam, Hoài Mỹ, Hoài Tân, Hoài Châu Bắc, Hoài Châu, Tam Quan Nam, Hoài Hương. - Huyện Tuy Phước: Phước Lộc, Phước Quang, Phước Sơn, Phước Hòa, Phước Thắng, Phước Thuận, Phước Hiệp, Phước An, Phước Hưng, Phước Nghĩa, Phước Thành. - Huyện Phù Cát: Cát Hạnh, Cát Tường, Cát Lâm, Cát Tân, Cát Sơn, Cát Thắng, Cát Nhơn, Cát Hưng, Cát Khánh, Cát Minh, Cát Thành, Cát Chánh, Cát Hải, Cát Tài, Cát Hiệp, Cát Trinh. - Thành phố Quy Nhơn: Phước Mỹ.
3	Xã có điều kiện đặc thù (4 xã)	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phố Quy Nhơn: Nhơn Châu, Nhơn Hải, Nhơn Lý. - Huyện Hoài Nhơn: Hoài Hải.

36

Phụ lục 2

ĐỊNH MỨC MỘT SỐ LOẠI GIỐNG CÂY TRỒNG DÀI NGÀY
(Kèm theo Quyết định số 82/2017/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của UBND tỉnh).



Tính cho 1 ha

STT	Cây giống	ĐVT	Số lượng
01	Dừa xiêm	cây	280
02	Bưởi	cây	500
03	Hồ tiêu	Bầu/hom	5.400
04	Dâu tằm	cây	40.000
05	Bơ	cây	200

7/2